

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 8 năm 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Nguyễn Văn Môn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 168/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46A/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 30/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 11, Y, phường T, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* Bị đơn: Anh Phan Trọng T, sinh năm 1994

HKTT: Nhà số 2A, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:*

Chị và anh Phan Trọng T đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh T tại số 2A, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T không có việc làm ổn định, thường xuyên xúc phạm và đánh chị. Do mâu thuẫn trầm

trọng nên tháng 7/2018 chị đã vào thành phố M sinh sống với bố mẹ chị, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh T.

Về con chung vợ chồng: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Đăng Việt H, sinh ngày 20/11/2014 và Phan Ngọc Nhã U, sinh ngày 19/01/2017. Hiện nay hai con đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công ty tại thành phố M, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Phan Trọng T trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.

Tại Biên bản xác minh ngày 24/6/2020/2020 của Tòa án với ông Phan Trọng H, là bố đẻ của anh T, ông H xác định anh T và chị T kết hôn và chung sống tại gia đình ông, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, đến tháng 7/2019 thì sống ly thân do chị T bỏ vào thành phố M, tỉnh Đắk Lắk sinh sống cùng bố mẹ chị T. Chị T và anh T có hai con chung hiện sống cùng chị T; anh T làm việc tự do thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Đối với các văn bản, Thông báo của Tòa án, ông nhận và cam kết giao lại ngay cho anh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. HĐXX công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn về cơ bản đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T được ly hôn anh T.

- + Về con chung: Giao 02 con chung là Phan Đăng Việt H, sinh ngày 20/11/2014 và Phan Ngọc Nhã U, sinh ngày 19/01/2017 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

- + Về án phí: CHỊ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị T thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh T kết hôn năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu; đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, qua xác minh thì thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân, không liên lạc, quan tâm gì đến nhau, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, bản thân anh T không đến Tòa án làm việc, hòa giải. Do đó, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: chị T và anh T có 02 con chung là Phan Đăng Việt Hưng, sinh ngày 20/11/2014 và Phan Ngọc Nhã Uyên, sinh ngày 19/01/2017. Hiện nay cả hai con chung đều do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị T đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng, phía anh T không có quan điểm gì về nuôi con. Chị T có nơi ở và thu nhập ổn định nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cả hai con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Phan Trọng T.
2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Phan Đăng Việt H, sinh ngày 20/11/2014 và Phan Ngọc Nhã U, sinh ngày 19/01/2017.

Anh Phan Trọng T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2018/0001274 ngày 19/5/2020. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã T;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng

